

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23-4-2025.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 35, ấp Bình H, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 35, ấp Bình H, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2025; Biên bản hòa giải ngày 25/3/2025 chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh Nguyễn Văn C tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008. Khi về sống chung với nhau, vợ chồng chỉ có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Tuy chị H đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu Tòa án ra quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Nguyễn Văn C theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 10/3/2022. Hiện nay cháu V đang sống chung với hai vợ chồng, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 25/3/2025 , bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C thừa nhận lời trình bày của chị H về việc hai người tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, khi về sống chung với nhau, vợ chồng chỉ có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận. Nhưng đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình thôi, không đến mức phải ly hôn. Vì vậy, anh Nguyễn Văn C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh Nguyễn Văn C vẫn còn thương vợ con rất nhiều, anh đề nghị chị H cho anh thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 10/3/2022. Hiện nay cháu V đang sống chung với hai vợ chồng. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn anh Nguyễn Văn C đồng ý để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Lê Văn Cu là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Tổ 35, ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh C.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2008 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C phát sinh mâu thuẫn, chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Văn C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn C thừa nhận đã tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và thừa nhận không có kế hoạch nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hà Vy, sinh ngày 10/3/2022. Căn cứ sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H về việc sau khi ly hôn chị H sẽ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Hà V. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 10/3/2022 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là

phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị H là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002049 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 10/3/2022 sẽ do chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002049 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- THA HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Thắm